

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG
SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~15~~ 4./CBTT-YBM

Yên Bái, ngày ~~15~~ tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Khoáng sản công nghiệp Yên Bái
- Mã chứng khoán: YBM
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Điện thoại: 0216 3511222
- Fax:
- Người thực hiện công bố thông tin: Đào Thị Dịu
Chức vụ: Kế toán

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái công bố các thông tin tin sau: Báo cáo thường niên 2021

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày ~~15~~ 4/2022 tại đường dẫn: <http://ybm.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT

Đại diện tổ chức

Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Đào Thị Dịu

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG
SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/BCTN-YBM

Yên Bái, ngày 18 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
Thường niên năm 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5200824701
- Vốn điều lệ: 142.998.800.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 142.998.800.000 VND
- Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, Xã Văn Phú, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- Số điện thoại: 02163.511.222
- Số Fax: 021 6629 8666
- Website: <https://ybm.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): YBM

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay):

Ngày tháng	Mốc phát triển quan trọng
10/2015	Chính thức thành lập, hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ với vốn điều lệ 35 tỷ đồng
10/2015	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 về dự án đầu tư: “DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 38.800 m ² , công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO ₃ 45.000 tấn/năm.
10/2015	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ với công suất 45.000 tấn/năm.
01/2016	Công ty chính thức đưa Nhà máy sản xuất bột đá CaCO ₃ tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái đi vào hoạt động với sản lượng 45.000 tấn/năm. Sản phẩm được các đối tác trong và ngoài nước đón nhận.
7/2016	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần 2 về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 53.800 m ² , công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO ₃ 80.000 tấn/năm.
8/2016	Hoàn thành việc xây dựng Nhà máy giai đoạn 2 đưa 03 dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ đi vào hoạt động.
4/2017	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần 3 về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 64.596,8 m ² , công suất bột đá CaCO ₃ 250.000 tấn/năm.

4/2017	Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 100 tỷ với mục đích đầu tư mua lại cổ phần, vốn góp 2 công ty, thanh toán gốc và lãi vay, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản và bổ sung vốn lưu động.
5/2017	Mua lại cổ phần, vốn góp của 2 công ty: Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái và Công ty TNHH Talc Việt Nam sở hữu 2 mỏ khoáng sản là đá hoa và quặng Talc là 2 nguyên vật liệu chính đầu vào của sản phẩm công ty sản xuất.
6/2017	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp thêm Giấy chứng nhận đầu tư số 0558173156 lần đầu về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 44.000 m ² , công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO ₃ 105.000 tấn/năm.
11/2017	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp thêm Giấy chứng nhận đầu tư số 0558173156 thay đổi lần thứ nhất về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 48.136,4 m ² , công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO ₃ 105.000 tấn/năm.
5/2018	Công ty tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 129.999.380.000 đồng.
8/2018	Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
11/2018	Hoàn thành việc xây dựng Nhà máy 03,04 đưa 06 dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ đi vào hoạt động
11/2019	Công ty tăng vốn điều lệ từ 129.999.380.000 đồng lên 142.998.800.000 đồng.
T12/2021	Công ty đã đầu tư thiết bị máy móc và nâng tổng số 18 dây chuyền, công suất có thể đạt 600.000 tấn/năm.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán buôn tổng hợp	4690 (Chính)
	Chi tiết: - Bán buôn hạt nhựa TaiCal và bột đá Cacbonat Canxi (CaCO ₃) - Bán buôn quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh - Bán buôn thạch	

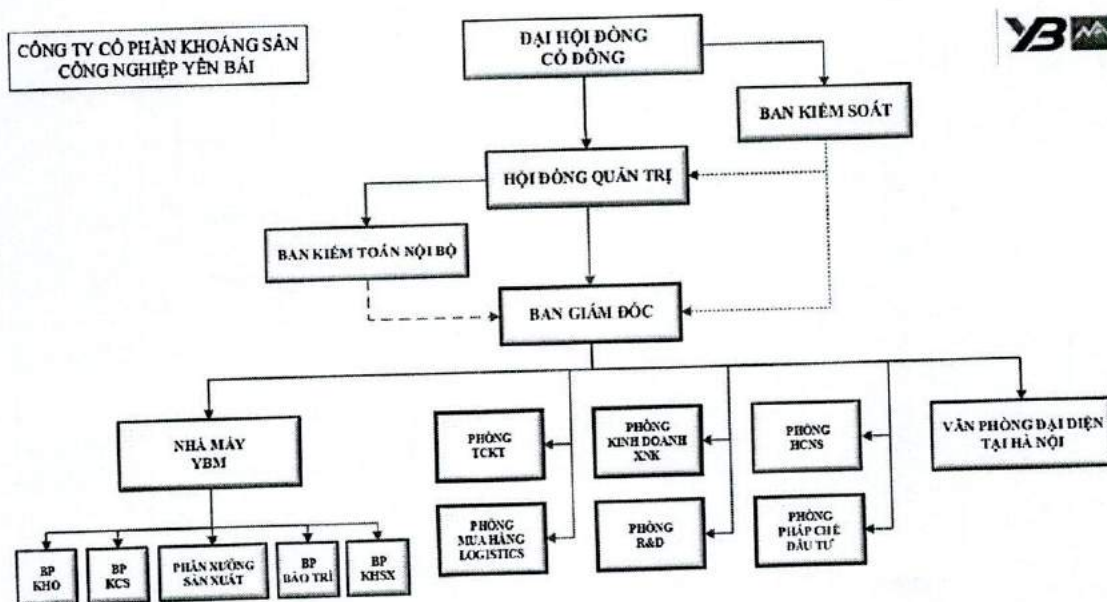
	anh, đá xây dựng, magie ooxit (MgO)	
2	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	4663
4	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
5	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Khai thác đá thạch anh, đá xây dựng, magie ooxit (MgO) - Khai thác quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh	899
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: - Sản xuất hạt nhựa TaiCal và bột đá Cacbonat Canxi (CaCo3) - Chế biến quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh - Chế biến thạch anh, đá xây dựng, magie ooxit (MgO)	990
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Đại lý tàu biển - Dịch vụ vận tải đa phương thức	5229
8	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
9	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh kho bãi - Cho thuê đất, kho bãi, nhà xưởng và văn phòng	6810
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) -	4669

- Địa bàn kinh doanh: Công ty nhận được sự tin dùng cũng như nhiều sự khen ngợi của khách hàng thị trường trong nước và phát triển kênh bán hàng rộng rãi tới nhiều thị trường quốc tế như Đức, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Bangladesh, Trung Quốc, Indonesia....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị của Công ty hoạt động theo điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020 bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

Cơ cấu bộ máy quản lý như sau :



Công ty đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Talc Việt Nam có trụ sở chính tại 136 phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác quặng Talc. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty con này là 99% (số đầu năm là 99%).

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận thông qua mở rộng các mảng kinh doanh đặc biệt là kinh doanh thương mại, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và phương pháp quản lý tiên tiến, tiết kiệm chi phí.
- Tạo công ăn việc làm, duy trì quyền làm chủ của người lao động trong Công ty.
- Ổn định chất lượng sản phẩm, giữ vững niềm tin với khách hàng.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và đảm bảo lợi nhuận cho Công ty, đảm bảo duy trì và ngày càng tăng lợi tức cho các cổ đông.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

4.2.1 Về phát triển kinh doanh

Trong thời gian trước mắt cũng như về lâu dài, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện những chiến lược phát triển đã vạch ra:

- Phát triển và nâng cao năng lực của Công ty;
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;
- Huy động, tăng vốn Điều lệ nâng cao khả năng đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong những lĩnh vực sản xuất kinh doanh chủ yếu truyền thống, đồng thời mở rộng và phát triển thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới có nhiều tiềm năng.
- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến thị trường trong nước và thế giới nhằm dự đoán đúng xu hướng thị trường để đưa ra các quyết định phù hợp;
- Tăng cường công tác quản lý các mặt, đặc biệt là quản lý chi phí, quản lý nợ và đổi mới chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh.

4.2.2 Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.

Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).

Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.

Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất.

Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.

4.3 Các hoạt động khác

Đối với việc bảo vệ môi trường: nghiêm chỉnh chấp hành hướng dẫn của cơ quan chức năng; trang bị những thiết bị.

Tích cực tham gia các hoạt động của địa phương: đóng góp đầy đủ các quỹ, thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tích cực tham gia các hoạt động công ích của địa phương ...

Sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái nói riêng. Do vậy, Công ty cần phải xem xét sự tác động từ các yếu tố này đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Tình hình kinh tế thế giới

Ngày 11/1/2022, Ngân hàng thế giới (WB) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ đi xuống rõ rệt trong năm 2022 trong bối cảnh dịch COVID-19 phức tạp và chuỗi cung ứng chưa hồi phục. Trong báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu, WB dự báo mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ giảm xuống còn 4,1% trong năm 2022, thấp hơn so với mức 5,5% của năm 2021, thậm chí có thể giảm tiếp xuống còn 3,2% trong năm tới khi mà các chính phủ thu hẹp chương trình hỗ trợ tài chính và tiền tệ vốn được ban hành trong thời gian đại dịch.

Dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2021 và năm 2022 thấp hơn 0,2% so với báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu mà WB công bố hồi tháng 6 năm ngoái. Dự kiến, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) cũng sẽ hạ dự báo tăng trưởng kinh tế trong bản báo cáo công bố vào ngày 25/1 tới.

Dự báo tăng trưởng kinh tế mới nhất của WB đã đề cập đến sự hồi phục mạnh mẽ trong hoạt động kinh tế ở các nền kinh tế phát triển và đang phát triển vào năm 2021 sau khi sụt giảm vào năm 2020. Tuy nhiên, WB cảnh báo lạm phát kéo dài, các vấn đề về chuỗi cung ứng và lực lượng lao động cùng với sự xuất hiện của các biến thể mới có khả năng cản đà tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Tốc độ tăng trưởng của kinh tế thế giới đang chậm lại rõ rệt trong khi chính phủ các nước có kế hoạch thu hẹp chương trình hỗ trợ và có nhiều rủi ro đối với kinh tế thế giới. Sự lây lan nhanh chóng của biến thể Omicron cho thấy tình trạng gián đoạn tiếp diễn và việc hệ thống y tế bị quá tải do số ca mắc gia tăng có nguy cơ khiến dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm thêm 0,7%.

Báo cáo của WB dự đoán tốc độ tăng trưởng của các nền kinh tế phát triển sẽ giảm xuống còn 3,8% trong năm nay, thấp hơn so với mức 5% trong năm ngoái và có thể giảm mạnh xuống còn 2,3% trong năm 2023. Tuy nhiên, WB cho rằng sản lượng và hoạt động đầu tư của những nền kinh tế này sẽ trở lại xu hướng trước đại dịch vào năm 2023.

Xét theo từng quốc gia, WB đã hạ tăng trưởng GDP của Mỹ trong năm 2021 xuống còn 5,6% và dự báo mức này sẽ giảm tiếp trong năm 2022 và năm 2023, lần lượt xuống còn 3,7% và 2,6%. Trong khi đó, tăng trưởng GDP của Nhật Bản trong năm 2021 là 1,7%, thấp hơn 1,2% so với dự báo hồi tháng 6 năm ngoái, song sẽ tăng lên mức 2,9% trong năm nay.

Theo báo cáo, Trung Quốc dự kiến đạt mức tăng trưởng 8% trong năm 2021, thấp hơn 0,5% so với dự báo trước đó. WB cũng dự đoán tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới sẽ chậm lại, ở mức 5,1% trong năm 2022 và 5,2% trong năm tiếp theo.

Đối với các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi, WB dự báo tốc độ tăng trưởng của những nước này sẽ chậm lại ở mức 4,6% trong năm 2022, thấp hơn so với 6,3% của năm 2021 và tiếp tục giảm xuống còn 4,4% trong năm 2023.

WB cũng lưu ý rằng lạm phát gia tăng, vốn ảnh hưởng nặng nề đến người lao động có thu nhập thấp, đã ghi nhận ở mức cao nhất kể từ năm 2008 tại các nền kinh tế phát triển và cao nhất kể từ năm 2011 ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển

Tình hình kinh tế thế giới tuy không ảnh hưởng trực tiếp nhưng sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tình hình kinh tế Việt Nam

Năm 2021, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến thể mới, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 chỉ ở mức 2,58%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua.

Một số vấn đề nổi bật của kinh tế Việt Nam năm 2021

- Tăng trưởng GDP: Khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực chủ đạo.

Ước tính GDP năm 2021 tăng 2,58%. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%. Khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,37%, đóng góp 1,61 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.

- Ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát.

Năm 2021, trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành lãi suất phù hợp, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm ổn định; thị trường chứng khoán phát triển mạnh mẽ với mức vốn hóa thị trường cổ phiếu năm 2021 tăng 45,5% so với cuối năm 2020. Tính đến ngày 24-12-2021, tổng phương tiện thanh toán tăng 8,93% so với cuối năm 2020; huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 8,44%; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 12,97%(1).

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12-2021 giảm 0,18% so với tháng 11-2021 và tăng 1,81% so với tháng 12-2020. Bình quân năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm 2020,

mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản 12 tháng tăng 0,81%.

Giá vàng trong nước biến động trái chiều với giá vàng thế giới. Bình quân giá vàng thế giới đến ngày 25-12-2021 giảm 1,8% so với tháng 11-2021 do đồng USD và lợi suất trái phiếu Mỹ tăng theo kỳ vọng lãi suất Mỹ năm sau tăng lên. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 12-2021 tăng 0,25% so với tháng 11-2020; tăng 1% so với tháng 12-2020 và bình quân năm 2021 tăng 8,67% so với năm trước. Còn đồng USD trên thị trường thế giới tăng trong bối cảnh lạm phát Mỹ tăng cao, do các nhà đầu tư có động thái rút khỏi những loại tiền tệ rủi ro hơn sau khi các ngân hàng trung ương đưa ra quyết định về việc tăng lãi suất cũng như lo ngại khả năng lây lan của biến chủng Omicron. Trong nước, do nhu cầu mua ngoại tệ của các doanh nghiệp nhập khẩu tăng làm chỉ số giá USD tháng 12-2021 tăng 0,84% so với tháng 11-2021; giảm 0,58% so với tháng 12-2020 và bình quân năm 2021 giảm 0,97% so với năm trước.

Dự báo của các tổ chức quốc tế uy tín đều đánh giá Việt Nam có khả năng phục hồi trở lại cao ở mức 6% đến 6,5% vào năm 2022 trong bối cảnh mà dịch bệnh được kiểm soát, tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng và biến chủng mới Omicron không gây ra nhiều thiệt hại đối với nền kinh tế.

- Khu vực doanh nghiệp bị tác động nặng nề do đại dịch COVID-19.

Sự bùng phát của đại dịch COVID-19 lần thứ tư khiến hoạt động sản xuất, kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Theo báo cáo của Cục Đăng ký kinh doanh, trong năm 2021 có 116.839 doanh nghiệp đăng ký mới, giảm 13,4% so với năm 2020, là mức thấp nhất kể từ năm 2017 đến nay. Số vốn đăng ký thành lập trong năm 2021 cũng chỉ đạt 1.611.109 tỷ đồng, giảm 27,9% so với năm 2020. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2021 là 43.116 doanh nghiệp, giảm 2,2% so với năm 2020.

Mặt khác, dịch bệnh kéo dài “bào mòn” sức lực của nhiều doanh nghiệp trong nước, trong đó phần lớn là các doanh nghiệp thành lập dưới 5 năm, quy mô vốn nhỏ. Có 119.828 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, giải thể trong năm 2021, tăng 17,8% so với năm 2020. Trong số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường có tới 54.960 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh (chiếm 45,9%), tức là chưa rời thị trường mà tiếp tục “đóng băng”, chờ đợi thời điểm thích hợp để tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới, tăng 18% so với năm 2020.

Nếu so sánh với giai đoạn 2016 - 2020 (với tỷ lệ tăng số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh trung bình là 25,9%) thì tỷ lệ này năm 2021 cơ bản không thay đổi. Số doanh nghiệp chờ làm thủ tục

giải thể là 48.127 doanh nghiệp, tăng 27,8% so với năm 2020. Còn số doanh nghiệp đã giải thể, chấm dứt tồn tại trong năm 2021 là 16.741 doanh nghiệp, giảm 4,1% so với năm 2020.

- Tăng trưởng xuất, nhập khẩu là gam màu sáng nhất trong bức tranh kinh tế vĩ mô năm 2021.

Năm 2021 là một năm đầy biến động đối với mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Nhưng, nhờ sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự vào cuộc quyết liệt của các bộ, ngành, chính quyền địa phương, sự nỗ lực chủ động vượt khó của cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức xúc tiến thương mại đã giúp duy trì sản xuất và xuất khẩu, với tổng kim ngạch kỷ lục 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 336,25 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2020. Riêng khu vực kinh tế trong nước đạt 88,71 tỷ USD, tăng 13,4%, chiếm 26,4% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 247,54 tỷ USD, tăng 21,1%, chiếm 73,6%. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 93,8% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 8 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 69,7%). Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực năm 2021, gồm: Điện thoại các loại và linh kiện chiếm 99,3%; điện tử, máy tính và linh kiện chiếm 98,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 93%; dệt may chiếm 61,7%; giấy dếp các loại chiếm 79,3%.

Đối với nhập khẩu, năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 332,25 tỷ USD, tăng 26,5% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 114,07 tỷ USD, tăng 21,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 218,18 tỷ USD, tăng 29,1%. Có 47 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 94,1% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2021, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 95,6 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 109,9 tỷ USD. Năm 2021 xuất siêu sang EU ước đạt 23 tỷ USD, tăng 12,1% so với năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 54 tỷ USD, tăng 53%; nhập siêu từ Hàn Quốc 34,2 tỷ USD, tăng 22,9%; nhập siêu từ Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) 12 tỷ USD, tăng 63,1%; nhập siêu từ Nhật Bản 2,4 tỷ USD, tăng 127,9%.

Cán cân thương mại hàng hóa năm 2021 ước tính xuất siêu 4 tỷ USD (năm 2020 xuất siêu 19,94 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 25,36 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư

nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 29,36 tỷ USD(2).

Có được những kết quả trên chính là nhờ chúng ta đã khai thác tốt các thị trường nước ngoài. Cùng với việc giữ được các thị trường xuất khẩu truyền thống, doanh nghiệp Việt Nam đã tận dụng khá tốt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTA), nhất là các hiệp định FTA thế hệ mới.

- Đầu tư phát triển còn nhiều dư địa cho tăng trưởng trung hạn.

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành năm 2021 tăng 3,2% so với năm 2020. Tuy đây là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm qua nhưng là kết quả khả quan trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) phục hồi, vốn đăng ký mới và vốn đăng ký tăng thêm tăng trở lại cho thấy nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục tin tưởng vào môi trường đầu tư Việt Nam.

Ước tính năm 2021, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành đạt 2.891,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,2% so với năm trước, bao gồm: Vốn khu vực nhà nước đạt 713,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,7% tổng vốn và giảm 2,9% so với năm trước; khu vực ngoài nhà nước đạt 1.720,2 nghìn tỷ đồng, bằng 59,5% và tăng 7,2%; khu vực FDI đạt 458,1 nghìn tỷ đồng, bằng 15,8% và giảm 1,1%(3).

Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, vốn FDI thực hiện tại Việt Nam năm 2021 ước đạt 19,74 tỷ USD, giảm 1,2% so với năm 2020. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 14,30 tỷ USD, chiếm 72,5% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 2,63 tỷ USD, chiếm 13,3%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 1,54 tỷ USD, chiếm 7,8%.

Tình hình kinh tế chung của Việt Nam là chỉ báo quan trọng để Công ty đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ. Chính vì thế, hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây gắn liền với nhu cầu của thị trường.

5.2 Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là những rủi ro thay đổi chính sách theo chiều hướng bất lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro luật pháp còn là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán các bộ luật về Thuế và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty. Luật chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán có hiệu lực phần nào cũng tác động đến các vấn đề về công bố thông tin và các quy định chặt chẽ hơn đối với Công ty niêm yết nói chung và YBM nói riêng. Công ty cũng đang tiến hành rà soát các hệ thống văn bản, điều lệ, quyết định hiện tại để phổ biến cho cán bộ nhân viên và thay đổi theo đúng quy định của pháp luật.

Để kịp thời dự báo, ứng phó cũng như giúp Công ty có sự chuẩn bị tốt nhất đối với những thay đổi trong chính sách về luật, YBM có bộ phận pháp lý trực thuộc Ban thư ký Hội Đồng Quản Trị thường xuyên theo dõi, cập nhật những biến động luật pháp để kịp thời tham mưu, tư vấn cho Ban lãnh đạo có thể tận dụng tối ưu những điều kiện pháp lý có lợi và giảm thiểu thiệt hại khi một chính sách bất lợi với ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty được đưa ra.

5.3 Rủi ro đặc thù ngành

a) Rủi ro đặc thù trong ngành bột đá Canxi Cacbonat (CaCO_3)

Vì khoáng sản là tài nguyên quốc gia nên Luật Khoáng sản đưa ra những quy định nhằm quản lý chặt chẽ việc khai thác và chế biến khoáng sản để tránh lãng phí trong khai thác, tăng hiệu quả khai thác, chế biến và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, những quy định này đôi khi cũng gây những khó khăn cho các doanh nghiệp. Trước khi xin được giấy phép khai thác, doanh nghiệp phải thực hiện công tác điều tra, thăm dò địa chất để ra được báo cáo hàm lượng và trữ lượng của mỏ. Trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp phép khai thác, doanh nghiệp sẽ bị lỗ một khoản chi phí nhất định đối với công tác làm địa chất. Thêm vào đó, yêu cầu về công nghệ khai thác cũng rất nghiêm ngặt, đầu tư chi phí ban đầu rất lớn. Một rủi ro khác mà doanh nghiệp phải đối mặt đó là, rủi ro trong trường hợp khâu thăm dò không phản ánh đúng thực tế (số lượng và chất lượng kém hơn thực tế). Công suất khai thác thực không đạt kế hoạch ước tính ban đầu sẽ đẩy chi phí thành phẩm lên cao, sản phẩm sẽ không cạnh tranh và hiệu quả thu được không lớn, ảnh hưởng trực tiếp kế hoạch sản xuất của Công ty.

Các hoạt động của Công ty luôn bám sát quy trình đã được xây dựng cụ thể về việc thăm dò, khảo sát địa chất cho từng hoạt động, dự án triển khai, nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro và tiết kiệm

tối đa chi phí cho hoạt động này.

b) Rủi ro đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh hạt nhựa

Theo thống kê của Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA), hiện trong nước có khoảng 2.000 công ty tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa, trong đó chủ yếu là các công ty nhỏ và vừa. Số lượng công ty lớn cùng việc phân tán khiến gia tăng áp lực cạnh tranh trong ngành. Ngành nhựa là ngành phân tán nên không có công ty nào đủ khả năng chi phối các công ty còn lại.

Bên cạnh đó, giá nguyên liệu đầu vào phụ thuộc khá nhiều vào biến động giá thế giới và chiếm 80% trong cơ cấu chi phí sản xuất, điều này khiến biên lợi nhuận của công ty dễ bị tác động khi có thay đổi yếu tố đầu vào. Để đảm bảo mức sinh lời, nhiệm vụ đặt ra cho các công ty nhựa là duy trì và gia tăng thị phần đầu ra, điều này tăng áp lực cạnh tranh trong ngành.

Ngoài ra, mức độ khác biệt giữa các sản phẩm nhựa trong nước không cao, khách hàng có thể dễ dàng chuyển đổi nhà cung ứng mà không phải chịu nhiều chi phí do các sản phẩm nhựa của các công ty có độ phủ rộng khắp cả nước.

VPA cho rằng, đối với các công ty nhựa vật liệu xây dựng, chi phí đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị lớn khiến các công ty nhóm này phải chạy đua về sản lượng tiêu thụ nhằm bù đắp lại phần chi phí cố định đã đầu tư.

Ngành nhựa bao bì vẫn tăng trưởng tuy nhiên gia tốc tăng trưởng đang chậm lại, số lượng công ty sản xuất bao bì lớn, điều này khiến mức độ cạnh tranh trong mảng nhựa bao bì ngày càng gia tăng.

c) Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Những biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường có thể gây ảnh hưởng xấu đến các nhà đầu tư và doanh nghiệp. Việc biến động giá có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, như quy luật cung- cầu trên thị trường, tâm lý sợ hãi và tham lam của các nhà đầu tư, những thông tin không chắc chắn và những biến động giá từ thị trường quốc tế, hay do chính bản thân doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả, thua lỗ... Những điều này có thể làm cho giá cổ phiếu của doanh nghiệp sụt giảm nghiêm trọng, làm doanh nghiệp khó huy động vốn. Do đó, doanh nghiệp luôn hỗ trợ nhà đầu tư bằng việc cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời, nhằm giúp nhà đầu tư có thể đưa ra quyết định đúng đắn nhất dựa trên kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	493.436.635.594
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	15.690.000
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	493.420.945.594
4	Giá vốn hàng bán	374.169.587.313
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	119.251.358.281
6	Doanh thu hoạt động tài chính	828.376.648
7	Chi phí tài chính	14.694.241.209
8	Chi phí bán hàng	82.207.607.741
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.243.636.362
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.934.249.617
11	Thu nhập khác	101.556.447
12	Chi phí khác	1.471.762.628
13	Lợi nhuận khác	-1.370.206.181
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.564.043.436
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.790.394.405
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.773.649.031

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% tăng, giảm
1	Sản lượng (tấn)	396.000.000	351.864.879	-11,15%
2	Doanh thu thuần (VND)	435.000.000.000	493.420.945.594	13,43%
3	Lợi nhuận trước thuế (VND)	17.000.000.000	16.564.043.436	-2,56%
4	Thuế TNDN (VND)	1.700.000.000	1.790.394.405	5,32%
5	Lợi nhuận sau thuế (VND)	15.300.000.000	14.773.649.031	-3,44
6	Tỷ suất LN/DT (%)	3,91	3,36	-14,10
7	Thu nhập bình quân (triệu VND/người)	8,5-9	9-9,3	

2. Tổ chức và nhân Sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Đức Hậu	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Huỳnh Song Trà	Giám đốc
3	Lê Hoàn	Phó Giám Đốc
4	Hoàng Anh Quân	Phó Giám Đốc

• Ông Vũ Đức Hậu – Chủ tịch HĐQT Công ty

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	01/09/1961
Quốc tịch	Việt Nam

Chỗ ở hiện tại	Tổ 4, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Tốt nghiệp Đại học Sư phạm I – Hà Nội
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	Tổng: 105.938 cổ phiếu, trong đó: Sở hữu cá nhân: 105.938 cổ phiếu, chiếm 0,74% vốn điều lệ. <ul style="list-style-type: none"> Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	

• Ông Huỳnh Song Trà

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/07/1973
Quốc tịch	Việt Nam
Chỗ ở hiện tại	Số 38 ngách 5, ngõ 259, Phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư vô tuyến điện
Chức vụ hiện nay	Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	Tổng: 0 cổ phiếu, trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ. <ul style="list-style-type: none"> Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	
--	--

• Ông Lê Hoàn – Phó Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/09/1984
Nơi sinh	Thịnh Hưng – Yên Bình – Yên Bái
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thịnh Hưng – Yên Bình – Yên Bái
Chỗ ở hiện tại	Tổ 5 TT Yên Bình – Yên Bình – Yên Bái
CMND	060727420
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện tự động hóa
Chức vụ hiện nay	Phó GD Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	Tổng 128.000 cổ phiếu, trong đó: Sở hữu cá nhân: 128.000 phiếu chiếm 0.9% Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	

• Ông Hoàng Anh Quân – Phó Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/02/1987
Nơi sinh	Thôn Đại Tự, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thôn Đại Tự, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc

CMND	135239877
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Chức vụ hiện nay	Phó Giám đốc- Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	Tổng 33.500 cổ phiếu, trong đó: Sở hữu cá nhân: 33.500 cổ phiếu, chiếm 0,23% vốn điều lệ. Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phiếu

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Năm 2021, Công ty đã miễn nhiệm và bổ nhiệm các thành viên trong ban điều hành như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số QĐ/NĐ	Ngày Bổ nhiệm/Miễn nhiệm	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Hoàng Quốc Huy	Chủ tịch HĐQT	23.10/2021/QĐ-ĐHĐCĐ		23/10/2021
2	Ông Huỳnh Song Trà	Thành viên HĐQT	23.10/2021/QĐ-ĐHĐCĐ		23/10/2021
3	Ông Nguyễn Đức Vũ	Thành viên HĐQT	23.10/2021/QĐ-ĐHĐCĐ		23/10/2021
4	Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch HĐQT	28.11/2021/QĐ-YBM	28/10/2021	
5	Ông Huỳnh Song Trà	Giám đốc	04.11/2021/QĐ-YBM	04/11/2021	

6	Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên HĐQT	23.10/2021/QĐ-ĐHĐCĐ	23/10/2021	
7	Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT độc lập	23.10/2021/QĐ-ĐHĐCĐ	23/10/2021	
8	Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	02/2020/QĐ-HĐQT-YBM	07/11/2019	
9	Ông Hoàng Anh Quân	Phó Giám đốc Thành viên HĐQT	03/2020/QĐ-HĐQT-YBM-VP 23.10/2021/QĐ-ĐHĐCĐ	08/01/2020 23/10/2021	

Số lượng nhân viên, chính sách lao động

Tiêu chí	Giá trị
Số lượng nhân sự đến 31/12/2021	149 người
Thu nhập bình quân năm 2021	9 triệu – 9.3 triệu / người/ tháng

- Chế độ làm việc:

Công ty luôn bố trí sắp xếp đủ việc làm cho người lao động và thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo các quy định.

Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu CBCNV làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên Công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.

Nghỉ ốm, thai sản: CBCNV Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt.

- Chính sách đào tạo:

Do yêu cầu vận hành các dây chuyền kỹ thuật mới trong xây dựng nên vấn đề đào tạo và đào tạo lại được Công ty thực hiện thường xuyên và liên tục.

Trong công tác đào tạo, đặc biệt chú trọng các hoạt động đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho khối cán bộ quản lý. Việc đào tạo thường được tiến hành tại Công ty, ngoài ra Công ty cũng cử cán bộ công nhân viên đi học nâng cao tại các trường đại học, các trung tâm hoặc tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn, dài hạn để cập nhật kiến thức, thông tin mới.

- **Chính sách lương thưởng và phúc lợi:**

Công ty áp dụng phương án trả lương theo chức danh công việc, theo năng suất, mức khoán tùy theo vị trí công việc được giao, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, vị trí công việc nhằm thu hút được nhân lực có trình độ cao.

Tiếp tục duy trì thực hiện chế độ phụ cấp cho các chức danh và vị trí có yêu cầu đặc biệt để đảm bảo khuyến khích lao động gắn bó làm việc lâu dài tại Công ty.

- **Chính sách trợ cấp:**

Trợ cấp khó khăn tùy theo mức độ;

Trợ cấp thôi việc theo Luật hiện hành và Công ty cũng trợ cấp thêm tiền ngoài Luật

- **Các chính sách khác:**

Người lao động được thực hiện đầy đủ các chế độ quy định tại Bộ luật Lao động và Điều lệ Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

Công trình đang xây dựng	Giá trị quyết toán đến 31/12/2021 (Theo BCTC kiểm toán 2021)
Chi phí thăm dò mỏ TALC Mỹ Thuận	6.924.530.271 VND

b) Các công ty con, công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất	Vốn điều lệ (Tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của YBM (%)	Giá trị sở hữu của YBM (tỷ VNĐ)
Công ty TNHH TALC Việt Nam	136 Phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Khai thác quặng TALC	15	99	14.85

- Công ty vẫn đang thực hiện đầu tư 99% vào Công ty TNHH Talc Việt Nam, với thông tin dự án đầu tư chi tiết như sau:

+ Dự án Khai thác quặng Talc theo Giấy chứng nhận đầu tư số 18121000573 do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/3/2015

+ Tên Dự án: Dự án khai thác quặng Talc

+ Địa điểm thực hiện: Xã Mỹ Thuận, huyện Tân Sơn. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 26,6 ha (trong đó, khu vực khai thác: 19,31 ha; khu vực đổ thải: 6,54; khu văn phòng và phụ trợ: 0,86 ha)

+ Mục tiêu và quy mô của dự án: Khai thác, chế biến quặng Talc cung cấp cho thị trường trong nước để làm phụ gia sản xuất công nghiệp; Công suất khai thác đá nguyên khai 16.275 tấn/năm.

+ Tổng mức đầu tư: 40.581.658.000 đồng (Bốn mươi tỷ năm trăm tám mươi một triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng). Bằng 100% vốn tự có của doanh nghiệp và huy động hợp pháp khác.

+ Thời gian hoạt động: 30 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư

+ Sản phẩm khai thác: Là quặng Talc để sản xuất hạt nhựa Talcal (Là nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái).

+ Hiện tại đến hết năm 2021 Công ty đang thực hiện xây dựng cơ bản để đưa vào khai thác mỏ, do đó chưa phát sinh doanh thu, lợi nhuận từ Công ty.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	419.219.283.248	436.236.915.531	4%
Doanh thu thuần	425.536.056.921	493.420.945.594	16%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	23.059.584.052	17.934.249.617	-22%
Lợi nhuận khác	-8.295.436.356	-1.370.206.181	-83%
Lợi nhuận trước thuế	14.764.147.696	16.564.043.436	12%
Lợi nhuận sau thuế	13.279.866.406	14.773.649.031	11%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3%	3%	-4%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.05	1.04	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.78	0.89	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản)	0.59	0.59	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	1.44	1.43	

3. Chi tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	5.31	8.75	
+ Vòng quay tổng tài Sản			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.97	1.15	
4. Chi tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3.12%	2.99%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	7.73%	8.24%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3.17%	3.39%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5.42%	3.63%	

Qua các số liệu hoạt động SXKD của Công ty năm 2021 cho thấy:

Mặc dù bị tác động bởi dịch covid-19, xong các số liệu năm 2021 vẫn giữ được ổn định và 1 số chỉ tiêu sinh lời tăng nhẹ so với năm 2020. Nguyên nhân là do công ty đã tiết kiệm được chi phí quản lý doanh nghiệp 15% và chi phí bán hàng 5%, chi phí khác giảm 83% so với năm 2020. Đồng thời, chi phí lãi vay cũng giảm 11% so với năm 2020.

Về nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán vẫn trong mức an toàn: Hệ số thanh toán ngắn hạn là 1.04. Hệ số thanh toán nhanh 0,89.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 14.299.880 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 14.299.880 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 30.11.2021

STT	Danh mục	Số lượng (Cổ đông)	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	1.039	14.274.959	142.749.590.000	99.83%
1	Cổ đông tổ chức	16	3.292.278	32.922.780.000	23.03%
	Trong đó: Nhà nước	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	1.023	10.981.681	109.816.810.000	76.80%
II	Cổ đông nước ngoài	14	24.921	249.210.000	0.17%
1	Cổ đông tổ chức	6	2.335	23.350.000	0.02%
2	Cổ đông cá nhân	8	22.586	225.860.000	0.15%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng:	1.053	14.299.880	142.998.800.000	

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý.

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề tiết kiệm năng lượng; nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện; ưu tiên sử dụng bóng đèn compact tiết kiệm điện.

- a) Chi phí năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 48.788.914.293 VND
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Không

6.3. Tiêu thụ nước:

- a) Chi phí sử dụng nước: 60.246.475 VND
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước sử dụng là nước sinh hoạt không tái chế, tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ và chủ động nắm bắt các quy định của pháp luật về môi trường; phổ biến cán bộ công nhân viên nắm bắt và thực hiện.

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty có tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan học tập sau một năm làm việc vất vả. Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ được quy định trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, được tham gia hoạt động công đoàn; đoàn thanh niên. Ngoài ra cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được đào tạo, tham gia các khóa học tập huấn, trang bị kiến thức và thực hành về phòng chống chữa cháy.

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2021, Công ty có 149 nhân viên đang làm việc. Thu nhập bình quân từ 9 triệu – 9.3 triệu/người/tháng, luôn đảm bảo trả lương ngày 15 hàng tháng, không có tháng nào nợ lương, nợ bảo hiểm.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Thời gian làm việc, nghỉ ngơi, ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ hàng năm, lễ, tết công ty đều thực hiện theo Luật lao động sao cho phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty. Các chế độ trợ cấp, thăm hỏi, ốm đau, thai sản, kết hôn... được thực hiện đầy đủ theo quy định của nhà nước.

Duy trì tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm và tặng quà sinh nhật cho toàn thể Cán bộ công nhân viên.

Thực hiện chi trả tháng lương thứ 13 cho người lao động, Thường các ngày lễ lớn và Tết nguyên đán.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Chưa tiến hành

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	425.669.255.438	493.436.635.594	15.92%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	133.198.517	15.690.000	-88.22%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	425.536.056.921	493.420.945.594	15.95%
4	Giá vốn hàng bán	294.049.833.056	374.169.587.313	27.25%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.486.223.865	119.251.358.281	-9.31%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	818.238.788	828.376.648	1.24%
7	Chi phí tài chính	16.619.833.477	14.694.241.209	-11.59%
8	Chi phí bán hàng	86.449.431.502	82.207.607.741	4.91%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.175.613.622	5.243.636.362	-15.09%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23.059.584.052	17.934.249.617	-22.23%
11	Thu nhập khác	206.782.145	101.556.447	-50.89%
12	Chi phí khác	8.502.218.501	1.471.762.628	-82.69%
13	Lợi nhuận khác	-8.295.436.356	-1.370.206.181	-83.48%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.764.147.696	16.564.043.436	12.19%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.484.281.290	1.790.394.405	20.62%
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.279.866.406	14.773.649.031	11.25%

(Số liệu lấy theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán)

Trong năm 2021, trước diễn biến của đại dịch ngày càng nghiêm trọng ở các nền kinh tế đang phát triển, Việt Nam cũng ảnh hưởng nặng nề vào giai đoạn nửa cuối năm, giá cả và lạm phát có xu hướng tăng. Mặc dù vậy, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty luôn cố gắng duy trì ổn định sản xuất kinh doanh nên về cơ bản đã đảm bảo nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra trong ĐHCĐ thường niên năm 2021. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 1.4 tỷ đồng tương đương với tỷ lệ tăng 11% so với năm 2020. Mặc dù doanh thu xuất khẩu không tăng trưởng do ảnh hưởng của dịch, song doanh thu nội địa tăng mạnh đặc biệt là doanh thu thương mại dẫn đến doanh thu của công ty tăng 67 tỷ đồng tương đương tỷ lệ tăng 16%. Mặc khác, cước biển và chi phí xuất khẩu tăng làm cho giá vốn hàng bán tăng 27% so với cùng kỳ năm ngoái.

+ Chi phí Tài chính giảm 1.9 tỷ đồng tương đương với tỷ lệ giảm 12% so với năm 2020 là do một phần năm 2021 khả năng thu hồi công nợ của khách hàng tốt hơn, một phần dòng tiền được bù đắp bằng lợi nhuận của năm 2020, và một phần do lãi suất của ngân hàng có điều chỉnh giảm so với năm trước.

+ Chi phí Quản lý giảm gần 1 tỷ đồng tương đương với tỷ lệ giảm 15% so với năm 2020 do công ty tiết giảm nhân sự bộ máy và một số hoạt động mang tính chất quản lý tại Công ty.

+ Ngoài ra, do quản lý tốt hơn nên chất lượng sản phẩm ổn định, hàng lỗi, hàng hỏng giảm nên mục chi phí khác cũng giảm.

Cơ cấu doanh thu	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bột đá	386.793.565.622	91%	344.357.735.243	69%
+ Trong nước	328.413.058.901	77%	273.789.045.352	55%
+ Xuất khẩu	58.380.506.721	14%	70.568.689.891	14%
Doanh thu khác	38.742.491.299	9%	152.004.711.549	31%
Tổng	425.536.056.921	100%	496.362.446.792	100%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

Công ty đã hoàn chỉnh đầy đủ và ban hành thực hiện một cách hệ thống, đồng bộ các quy chế quản lý: Quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý kinh tế kỹ thuật, quản lý tổ chức lao động, quản lý an toàn, bảo hộ lao động, quản lý thiết bị, quy chế giao khoán nội bộ, chế độ báo cáo thống kê,

hình thành hệ thống quản trị đồng bộ, khép kín các quy chế quản lý đó, tạo ý thức chấp hành của toàn thể CBCNV đã đi vào nề nếp mang lại hiệu quả thiết thực.

Công ty không ngừng đầu tư máy móc thiết bị hiện đại phục vụ sản xuất kinh doanh và công việc quản lý, các thiết bị cho công tác kiểm tra chất lượng. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên cử cán bộ đi học, đào tạo nhân viên, tuyển dụng các kỹ sư có trình độ, kinh nghiệm về làm việc để có thể sử dụng được thành thạo và hiệu quả các thiết bị hiện đại phục vụ tốt cho hoạt động của Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	209.846.277.967	215.999.943.748
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	18.086.254.176	7.416.462.844
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn		
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	116.096.895.210	161.184.780.662
IV.	Hàng tồn kho	55.397.755.644	30.169.487.697
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	209.373.005.281	220.236.971.783
I.	Các khoản phải thu dài hạn	125.261.000	339.140.950
II.	Tài sản cố định	190.711.309.122	204.265.858.159
III.	Bất động sản đầu tư		
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	6.924.530.271	6.924.530.271
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	2.000.000.000	0
VI.	Tài sản dài hạn khác	9.611.904.888	8.707.442.403
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	419.219.283.248	436.236.915.531

(Số liệu lấy từ báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2021)

Cơ cấu tài sản ngắn hạn	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	50%	49.5%	-0.5%

Tiền/ Tài sản ngắn hạn	9%	3%	-6%
Phải thu ngắn hạn/ Tài sản ngắn hạn	55%	75%	20%
Hàng tồn kho/ Tài sản ngắn hạn	26%	14%	-12%
Tài sản ngắn hạn khác/ Tài sản ngắn hạn	10%	8%	-2%

Nhìn vào 2 bảng chỉ số trên, ta thấy quy mô tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản năm 2021 không có nhiều biến động so với năm 2020. Mặc dù, chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn tăng 20%, nhưng chỉ tiêu Hàng tồn kho giảm mạnh tương đương 12% so với năm ngoái. Tỷ trọng hàng tồn kho năm nay đã giảm so với năm ngoái xong doanh thu tăng 15%. Ban điều hành Công ty đã rất nỗ lực để bán hàng để đẩy sản lượng bán mặc dù tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, nền kinh tế thế giới cũng như trong nước đều ảnh hưởng nghiêm trọng.

Bên cạnh đó, Tài sản dài hạn có biến động, cụ thể trong năm 2021 công ty có đầu tư mua sắm thêm 03 dây chuyền phục vụ sản xuất kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/ giảm (%)
C	NỢ PHẢI TRẢ	247.461.985.424	256.855.908.676	3.8%
I	Nợ ngắn hạn	199.071.690.703	208.282.663.790	4.63%
II	Nợ dài hạn	48.390.294.721	48.573.244.886	0.38%
D	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	171.757.297.824	179.381.006.855	4.44%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	419.219.283.248	436.236.915.531	4.06%

Công ty đã quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Nợ phải trả năm nay tăng 3.8% với cùng kỳ năm ngoái, trong khi tổng nguồn vốn tăng 4.06%
Vốn chủ sở hữu năm nay tăng 4.44% so với năm ngoái chủ yếu được bổ sung bằng nguồn lợi nhuận trong kỳ tại công ty.

Công ty đã theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tinh gọn cơ cấu tổ chức, các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp tham gia điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm chi phí.

Xây dựng các chính sách, phúc lợi, tăng lương cho người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Chiến lược phát triển nâng cao năng lực Công ty:

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu tổ chức của Công ty, nâng cao năng lực và vị thế cạnh tranh, phạm vi hoạt động và sản xuất đa dạng.

Củng cố và xây dựng bộ máy tham mưu giúp việc cho Ban lãnh đạo Công ty gọn nhẹ nhưng thực sự tinh nhuệ, đủ mạnh, có trình độ chuyên môn vững vàng để đảm đương và hoàn thành các công việc thật sự chất lượng, hiệu quả.

4.2 Chiến lược phát triển trong sản xuất kinh doanh

Tiếp tục thực hiện đầu tư đạt hiệu quả vào các lĩnh vực có tính bền vững và tiềm năng lâu dài, cụ thể là: Sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO₃. Tiếp tục đầu tư máy móc, dây chuyền sản xuất mới, mở rộng nhà xưởng, nhà kho theo kế hoạch tăng trưởng về sản lượng của công ty trong tương lai.

Tăng cường tìm kiếm thêm thị trường quốc tế, và tiếp tục khai thác tập khách hàng còn lại tại thị trường nội địa để đẩy mạnh sản lượng bán.

Tiếp tục đầu tư vào Công ty con: Công ty TNHH Talc Việt Nam để giữ nguồn cung cấp đầu vào cho YBM trong tương lai.

4.3 Chiến lược đầu tư, đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao thu nhập CBCNV, có cơ chế ưu đãi khuyến khích động viên cán bộ, nhân viên, công nhân kỹ thuật khi phải đảm nhận nhiệm vụ, đảm đương các công việc có tính chất phức tạp và nằm tại các vùng khó khăn, yên tâm công tác.

Tạo điều kiện và môi trường làm việc để mỗi cá nhân có cơ hội tự phát triển, hoàn thiện, nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình.

Thường xuyên gửi cán bộ công nhân viên đi tập huấn ngắn hạn, dài hạn để nâng cao chất lượng cán bộ, trình độ chuyên môn.

Hợp tác đào tạo hoặc gửi đi đào tạo khối công nhân kỹ thuật để có thể tiếp cận và vận hành các dây chuyền sản xuất mới, hiện đại.

Chiến lược huy động vốn, tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần:

Huy động nguồn vốn từ các cá nhân, tổ chức; phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để huy động bổ sung nguồn vốn đầu tư cho các dự án tiềm năng mà Công ty đang triển khai.

Công tác tài chính

Tìm phương án phù hợp để giải quyết bài toán Quy mô tài chính phù hợp. hiệu quả đáp ứng dòng đầu tư từ sản xuất kinh doanh, phát triển quảng bá sản phẩm, sửa chữa nhà máy, máy móc thiết bị, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh năm 2021 và những năm tới.

Công tác tổ chức

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản quản trị nội bộ phù hợp và hiệu quả với mọi hoạt động của Công ty.

Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn cụ thể đánh giá chất lượng lao động.

Đầu tư trọng điểm cho nhân sự, cán bộ, nhân viên Công ty trong mọi bộ phận luôn là yếu tố then chốt quyết định kết quả công việc.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

a. Công tác phát triển Công ty

- Hiện tại lĩnh vực chủ yếu của YBM là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO₃, đây là những lĩnh vực có nhiều triển vọng và phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà Nước. Trong những năm tới, Công ty đã đề ra chiến lược gia tăng sản xuất kinh doanh như phát triển nguồn nhân lực, huy động vốn, tiếp tục củng cố, kiện toàn cũng như mở rộng ngành nghề. Với định hướng này, Công ty có thể kết hợp sức mạnh truyền thống của mình trong lĩnh vực sản xuất bột đá CaCO₃ với sức mạnh cũng như thời cơ trong việc kinh doanh mạng thương mại hóa chất trong năm 2022 và những năm tới.

b. Công tác tài chính

- Lập kế hoạch dự toán tài chính hàng tháng, quý năm từ các bộ phận để tổng hợp thành dự toán tài chính toàn Công ty với mục đích sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn kinh doanh.
- Năm 2021 Công ty thực hiện đủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, cổ đông, người lao động theo nghị quyết Đại hội cổ đông giao.
- Năm 2021 Công ty đã thuê Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán báo cáo tài chính theo đúng điều lệ quy định.

c. Công tác tổ chức

- Bổ nhiệm các cán bộ quản lý có năng lực, trách nhiệm, nhiệt tình phục vụ công tác quản lý của các bộ phận chức năng trong Công ty.
- Ban hành các Quy chế quản lý Công ty theo Điều lệ và phù hợp thực tế để quản trị Công ty khoa học, hiệu quả.
- Bổ sung thêm nhân sự có năng lực phù hợp yêu cầu công việc cho các bộ phận phục vụ công tác theo đúng Quy trình thi tuyển dụng công khai, minh bạch.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Chủ tịch HĐQT, Ban giám đốc đứng đầu là Giám đốc Công ty đã điều hành linh hoạt, năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và là người đại diện trước pháp luật đã điều hành mọi

hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, tuân thủ nghiêm túc các quy định của Pháp luật hiện hành, phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã phân giao nhiệm vụ công tác cụ thể cho từng thành viên trong Ban giám đốc phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty, chỉ đạo các phòng ban rà soát, hoàn chỉnh quy chế và kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự; Nắm bắt và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đã hoàn thành tương đối theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, thực hiện đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội cho người lao động, công tác an sinh xã hội, nhân đạo, từ thiệnvà có kế hoạch chuẩn bị nguồn cho kế hoạch trả cổ tức trong những năm tiếp theo.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Đức Hậu	Chủ tịch HĐQT	105.938	0.74%
2	Hoàng Anh Quân	Thành viên HĐQT	33.500	0.23%
3	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%

(b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ gồm có 3 thành viên, thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ theo Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị giám sát Ban giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết, quyết định đại hội cổ đông, các quy chế quản lý và điều lệ của Công ty đã ban hành.

Hàng tháng HĐQT kiểm điểm công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng trước và kế hoạch tháng, quý sau; nắm bắt kịp thời các bất cập tồn tại và đề ra biện pháp khắc phục yêu cầu BGD thực hiện.

Phê duyệt và giám sát việc cân đối về nguồn lực, vật lực, trang thiết bị để tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch của Ban giám đốc điều hành.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

HĐQT đã chỉ đạo và theo sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với Ban Giám đốc và không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty và các cán bộ quản lý.

- Các cuộc họp HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hoàng Quốc Huy	5	100%	
2	Ông Huỳnh Song Trà	5	100%	
3	Ông Nguyễn Đức Vũ	5	100%	
4	Ông Vũ Đức Hậu	8	100%	
5	Ông Hoàng Anh Quân	3	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	3	100%	

- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Quyết định số: 10.2/2021/QĐ-YBM	10/02/2021	Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh quý 1 và đề ra mục tiêu cho quý 2 năm 2021	100%
2	Quyết định Số: 01/2021/NQ-HĐQT	01/03/2021	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (lần 1)	100%

3	Quyết định Số: 02/2021/NQ-HĐQT	31/05/2021	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (lần 2)	100%
4	Quyết định số: 30.07/2021/QĐ-YBM	30/07/2021	Thành lập Ban kiểm toán nội bộ	100%
5	Quyết định số: 08.09/2021/QĐ-YBM	08/09/2021	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021	100%
6	Quyết định số: 28.10/2021/QĐ-YBM	28/10/2021	Bầu Chủ tịch HĐQT	100%
7	Quyết định số: 04.11/2021/QĐ-YBM	04/11/2021	Thay đổi Giám đốc- Người đại diện theo pháp luật	100%
8	Quyết định số: 31.12/2021/QĐ-YBM	31/12/2021	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị của Công ty	100%

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng ban kiểm soát	27/06/2020	
2	Ông Mai Đình Đình	Kiểm soát viên	27/06/2020	
3	Ông Lê Đình Chinh	Kiểm soát viên	27/06/2020	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng ban kiểm soát	27/06/2020	02	100%		
2	Ông Mai Đình Đình	Kiểm soát viên	27/06/2020	02	100%		
3	Ông Lê Đình Chinh	Kiểm soát viên	27/06/2020	02	100%		

- **Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:**

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo Luật doanh nghiệp 2020;
- Kiểm soát hoạt động Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua.
- Tham gia đầy đủ và góp ý kiến trong hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

- **Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- Ban kiểm soát đã phối hợp cùng Ban Tài chính – kế toán, Ban Tổng giám đốc của Công ty tổ chức kiểm soát báo cáo tài chính, hoạt động các công ty thành viên.

- **Hoạt động khác của BKS (nếu có):** Không có

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Đơn vị tính: cổ
phiếu

Họ tên cổ đồng	Ngày giao dịch	Số lượng CP trước khi giao dịch	Số lượng CP Đăng ký mua	Số lượng CP mua	Số lượng CP đăng ký bán	Số Lượng CP bán	Số lượng CP sau khi giao dịch
Lê Hoàn	27/04/2021	115.500	50.000	12.500			128.000

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

c) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Thực hiện theo đúng quy chế quản trị Công ty, điều lệ tổ chức hoạt động và quy định của pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán) bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, đã được đăng tải trên website: ybm.com.vn/.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HUỲNH SONG TRÀ